

Số: 14 /NQ-HĐND

Thuận Lợi, ngày 31 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2025 trên địa bàn xã Thuận Lợi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI
KHOÁ XII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-STC ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025 (sau sắp xếp);

Thực hiện Công văn số 178/STC-NSNN ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính về việc dự toán ngân sách nhà nước các xã, phường sau sắp xếp;

Thực hiện Công văn số 353/STC-NSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn bổ sung một số nhiệm vụ về xây dựng dự toán và công tác kế toán - tài chính xã, phường;

Xét Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND-BKTNS ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn xã Thuận Lợi, như sau:

1. Dự toán thu

Tổng thu NSNN:

2.391 triệu đồng

Trong đó:

- Thu ngân sách được hưởng 100%:

482 triệu đồng

Gồm:

+ Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

140 triệu đồng

+ Thu khác:	251 triệu đồng
- Các khoản thu được điều tiết:	1.909 triệu đồng
Gồm:	
+ Thu thuế giá trị gia tăng:	908 triệu đồng
+ Thu lệ phí trước bạ:	1.001 triệu đồng
2. Dự toán chi	
Tổng chi ngân sách địa phương:	131.170 triệu đồng
Trong đó:	
- Chi đầu tư phát triển:	7.035 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	77.938 triệu đồng
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	35.171 triệu đồng
- Chi dự phòng:	2.500 triệu đồng
- Chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu:	8.526 triệu đồng
3. Cân đối ngân sách địa phương 2025	
(1) Tổng thu cân đối ngân sách địa phương:	131.170 triệu đồng
Trong đó:	
- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	1.518 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	129.652 triệu đồng
(2) Tổng chi ngân sách địa phương:	131.170 triệu đồng
<i>(Kèm theo các biểu chi tiết)</i>	

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi khoá XII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Tổ đại biểu HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT.



Bùi Thị Minh Thúy

ĐẠI THƯỜNG ĐƯỢC

(Kèm theo Nghị quyết số 4/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 - XÃ THUẬN LỢI

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND tỉnh Đồng Nai giao năm 2025 (sau sắp xếp)	Dự toán năm 2025 huyện Đồng Phú và Thuận Lợi (cũ) (chưa bao gồm số huyện chuyển về chưa chi)	Số thực hiện đến 30/6/2025 của xã Thuận Phú và Thuận Lợi (cũ) và 5 trường học trên địa bàn	Dự toán giao 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó		Tổng dự toán giao năm 2025 (không bao gồm 10% tiết kiệm dành nguồn CCTL)	So sánh (%)	
						Dự toán còn lại của 02 xã Thuận Lợi và Thuận Phú và 5 trường (trước sắp nhập)	DT bổ sung do thực hiện một số nhiệm vụ cấp huyện và tiền lương, hoạt động của CBCCC cấp tỉnh chuyển về...			
A	B	1	2	3	4=5+6	5=2-3	6	7=3+4	8=3/2*100	9=7/1*100
	TỔNG CHI NSDP	122.644	83.654	51.905	79.265	31.749	47.516	131.170	62,0	107
I	Chi đầu tư phát triển	7.035	8.645	2.553	4.482	6.092	-1.610	7.035	29,5	100
1	Vốn cân đối theo phân cấp	0	0	0	0	0	0	0		
2	Từ hỗ trợ có mục tiêu của NS cấp trên	0	0	0	0	0	0	0		
3	Vốn 03 Chương trình mục tiêu quốc gia	6.000	6.000	1.518	4.482	4.482	0	6.000		
4	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.035	2.645	1.035	0	1.610	-1.610	1.035		
5	Từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	0	0	0	0	0	0	0		
II	Chi thường xuyên	77.938	61.225	40.826	37.112	20.399	16.713	77.938	66,7	100
1	Chi sự nghiệp kinh tế		0	0	2.215	0	2.215	2.215		
2	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		0		100	0	100	100		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	50.716	44.109	33.497	17.219	10.612	6.607	50.716		

STT	Nội dung	Dự toán UBND tỉnh Đồng Nai giao năm 2025 (sau sắp xếp)	Dự toán năm 2025 huyện Đồng Phú và Thuận Lợi (cũ) (chưa bao gồm số huyện chuyển về chưa chi)	Số thực hiện đến 30/6/2025 của xã Thuận Phú và Thuận Lợi (cũ) và 5 trường học trên địa bàn	Dự toán giao 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó		Tổng dự toán giao năm 2025 (không bao gồm 10% tiết kiệm dành nguồn CCTL)	So sánh (%)	
						Dự toán còn lại của 02 xã Thuận Lợi và Thuận Phú và 5 trường (trước sắp nhập)	DT bổ sung do thực hiện một số nhiệm vụ cấp huyện và tiền lương, hoạt động của CBCC cấp tỉnh chuyển về...		8=3/2*100	9=7/1*100
A	B	1	2	3	4=5+6	5=2-3	6	7=3+4	8=3/2*100	9=7/1*100
	Trong đó: Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; Học bổng HSSV; Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2015/NĐ - CP; Kinh phí thực hiện Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND	0	0	0	263	0	263	263		
4	Chi sự nghiệp y tế		0	0	100	0	100	100		
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		0	0	0	0	0	0		
6	Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		0	0	337	0	337	337		
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		0	0	39	0	39	39		
8	Chi đảm bảo xã hội		0	0	2.982	0	2.982	2.982		
9	Chi quản lý hành chính		11.476	4.326	11.117	7.150	3.967	15.443		
10	Chi an ninh quốc phòng địa phương		5.640	3.003	2.701	2.637	64	5.704		
	- Chi an ninh		2.677	1.387	1.157	1.290	-133	2.544		
	- Chi quốc phòng địa phương		2.963	1.616	1.544	1.347	197	3.160		
11	Chi khác ngân sách		0	0	302	0	302	302		
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (đã bao gồm 20% TK chi TX)	35.171	4.817	0	35.171	4.817	30.354	35.171	0	100

STT	Nội dung	Dự toán UBND tỉnh Đồng Nai giao năm 2025 (sau sắp xếp)	Dự toán năm 2025 huyện Đồng Phú và Thuận Lợi (cũ) (chưa bao gồm số huyện chuyển về chưa chi)	Số thực hiện đến 30/6/2025 của xã Thuận Phú và Thuận Lợi (cũ) và 5 trường học trên địa bàn	Dự toán giao 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó		Tổng dự toán giao năm 2025 (không bao gồm 10% tiết kiệm dành nguồn CCTL)	So sánh (%)	
						Dự toán còn lại của 02 xã Thuận Lợi và Thuận Phú và 5 trường (trước sắp nhập)	DT bổ sung do thực hiện một số nhiệm vụ cấp huyện và tiền lương, hoạt động của CBCC cấp tỉnh chuyển về...			
A	B	1	2	3	4=5+6	5=2-3	6	7=3+4	8=3/2*100	9=7/1*100
IV	Chi dự phòng ngân sách	2.500	441	0	2.500	441	2.059	2.500	0	100
V	Chi chuyển nguồn	0	0	0	0	0	0	0		
VI	Tinh bổ sung mục tiêu sau 15/6	0	8.526	8.526	0	0	0	8.526		
1	Trong đó: Tăng 1,610 tỷ đồng kinh phí đường bê tông xi măng (Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 7,035 tỷ đồng; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 8,645 tỷ đồng)	0	1.610	1.610	0	0	0	1.610		
2	Trong đó: Tăng 6,916 tỷ đồng so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm: 6,041 tỷ đồng kinh phí nghỉ hưu, thôi việc đã chi (theo QĐ số 1501/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước) và 0,875 tỷ đồng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (theo QĐ số 1509/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)	0	6.916	6.916	0	0	0	6.916		



BIỂU SỐ 3

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025
của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP
I	2	3	4
	TỔNG (A+B+C+D)	2.391	131.170
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2.391	1.518
I	Các khoản thu cân đối ngân sách	2.391	1.518
1	Thuế giá trị gia tăng	908	536
2	Thu lệ phí trước bạ	1.001	501
3	Thuế SDD phi nông nghiệp	140	140
4	Thu phí, lệ phí	91	91
5	Thu khác ngân sách	251	251
B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	0	129.652
	Trong đó: Tăng 8,526 tỷ đồng so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm: 6,041 tỷ đồng kinh phí nghỉ hưu, thôi việc đã chi; 0,875 tỷ đồng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; 1,610 tỷ đồng kinh phí đường bê tông xi măng	0	8.526
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC	0	0
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	0	0

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025
 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	131.170
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	131.170
I	Chi đầu tư phát triển	7.035
II	Chi thường xuyên	77.938
	Trong đó:	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	50.716
2	Chi khoa học, công nghệ	0
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	35.171
	Trong đó:	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	23.978
2	Chi khoa học, công nghệ	0
IV	Dự phòng	2.500
V	Chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên	8.526
1	Chi bổ sung 6,916 tỷ đồng so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm: 6,041 tỷ đồng kinh phí nghỉ hưu, thôi việc đã chi (theo QĐ số 1501/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước) và 0,875 tỷ đồng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (theo QĐ số 1509/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)	6.916
2	Chi bổ sung 1,610 tỷ đồng kinh phí đường bê tông xi măng (Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 7,035 tỷ đồng; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 8,645 tỷ đồng)	1.610
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0

**BIỂU SỐ 5****DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025
của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	131.170
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	131.170
I	Chi đầu tư phát triển	7.035
II	Chi thường xuyên	77.938
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	50.716
2	Chi khoa học, công nghệ	0
3	Chi sự nghiệp y tế	100
4	Chi văn hóa thông tin-TDTT	337
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	39
6	Chi sự nghiệp kinh tế	2.215
7	Sự nghiệp môi trường	100
8	Chi QLHCNN, đảng, đoàn thể	15.443
9	Chi đảm bảo xã hội	2.982
10	Chi Quốc phòng - An ninh	5.704
11	Chi khác	302
III	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	35.171
IV	Dự phòng	2.500
	Chi cải tạo sửa chữa trụ sở cho các xã (bổ sung từ nguồn dự phòng của huyện cũ)	973
V	Chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên	8.526
1	Chi bổ sung 6,916 tỷ đồng so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm: 6,041 tỷ đồng kinh phí nghỉ hưu, thôi việc đã chi (theo QĐ số 1501/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước) và 0,875 tỷ đồng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (theo QĐ số 1509/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)	6.916
2	Chi bổ sung 1,610 tỷ đồng kinh phí đường bê tông xi măng (Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 7,035 tỷ đồng; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 8,645 tỷ đồng)	1.610
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0

DỰ TOÁN CHỈNG AN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	35.171		35.171						
1	Văn phòng HDND và UBND xã	9.519		9.519						
2	Phòng Kinh Tế	224		224						
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	409		409						
4	Trung tâm tổng hợp	222		222						
5	Văn phòng Đảng ủy	400		400						
6	Ủy ban mặt trận tổ quốc	419		419						
7	Khởi trường học	23.978		23.978						
-	<i>Trường MN Thuận Phú</i>	4.739		4.739						
-	<i>Trường MN Thuận Lợi</i>	2.299		2.299						
-	<i>Trường TH Thuận Phú</i>	5.597		5.597						
-	<i>Trường TH và THCS Thuận Lợi</i>	6.776		6.776						
-	<i>Trường THCS Thuận Phú</i>	4.567		4.567						
III	Chi dự phòng	2.500		2.500						
IV	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0		0						

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO
TỔNG CỘNG QUẢN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục và đào tạo nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Tổng		8.645											5.865				2.780
1	Văn phòng HĐND và UBND xã	8.645											5.865				2.780
1	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.645											2.645				
1	Mở rộng 2 bên đường tổ 2, ấp Thuận Bình (từ thửa số 42 tờ bản đồ số 50 điểm cuối thửa số 113 tờ bản đồ số 41)	283											283				
2	Xây dựng sân BTXM và đường BTXM đầu nối vào nhà Văn hóa ấp Thuận Thành 2 (Tờ bản đồ số 96, Thửa số 57)	108											108				
3	Xây dựng đường BTXM tổ 7, ấp Thuận Tiến (từ thửa số 28, 2, 50, 129, tờ bản đồ số 63, 55, 46)	271											271				
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Bùi Thị Thương đến nhà ông Nguyễn Công Thanh (Điểm đầu từ thửa đất số 383 đến thửa 446, tờ bản đồ số 28)	23											23				
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Tịnh đến đất ông Khánh, ấp Bù Xăng (có 850 m nằm trong phạm vi đất của kênh thủy lợi): (Điểm đầu từ thửa số 43 đến thửa 218, tờ bản đồ số 52).	1.251											1.251				
6	Xây dựng đường BTXM từ đường nhựa liên ấp Thuận Hải đến nhà ông Phạm Văn Tạo (Điểm đầu từ thửa 43 đến thửa 218, tờ bản đồ số 52).	26											26				
7	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Đoàn Thị Diễm đến nhà bà Nguyễn Thị Lệ ấp Đồng Búa (Điểm đầu từ thửa số 260, 273 đến thửa số 286, tờ bản đồ số 4)	197											197				

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chỉ giáo dục và đào tạo nghề	Chỉ khoa học và công nghệ	Chỉ quốc phòng	Chỉ an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chỉ y tế, dân số và gia đình	Chỉ văn hóa thông tin	Chỉ phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chỉ thể dục thể thao	Chỉ bảo vệ môi trường	Chỉ các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Hữu Đạo đến đất ông Lê Duy Huân, ấp Bù Xăng (Điểm đầu từ thửa số 178 đến thửa số 114, tờ bản đồ số 29)	165											165				
9	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Quý Hà đến đất nhà bà Nguyễn Thị Từ, ấp Thuận Hải (Điểm đầu từ thửa số 61 đến thửa số 44, tờ bản đồ số 64-TĐ)	321											321				
II	Nguồn nông thôn mới nâng cao	6.000											3.220				2.780
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Thuận Phú I từ ngã ba nhà thờ đến hộ bà Nguyễn Thị Ninh	750											750				
2	Nâng cấp láng nhựa đường GTINT ấp Đồng Búa từ DT758 - trại gà Hùng Nhon đến ngã ba nhà văn hóa	2.470											2.470				
3	Xây dựng công viên tượng đài xã Thuận Phú	2.780											0				2.780
III	Dự toán điều chỉnh tăng theo NQ số 40/NQ-HĐND do năm lần với dự toán của xã Đồng Tâm (theo NQ số 42/NQ-HĐND đã giao tăng 1,610 tỷ đồng)	1.610											1.610				

(Kèm theo Nghị quyết số: 4/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]



KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

ĐVT: Triệu đồng

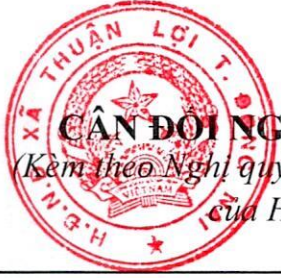
S T T	Nội dung	Dư nguồn đến 31/12/2024	Kế hoạch năm 2025				Dự nguồn đến 31/12/2025
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NS địa phương (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6=1+2-4
1	Quỹ phòng chống thiên tai	0	42		42	0	0
2	Quỹ Vì người nghèo	0	42		42	0	0
3	Quỹ Khuyến học	0	63		63	0	0
4	Quỹ Chăm sóc người cao tuổi	0	84		84	0	0
5	Quỹ Nhân đạo	0	21		21	0	0
6	Quỹ Bảo trợ trẻ em	0	0		0	0	0
7	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	0	42		42	0	0
	Tổng	0	295	0	295	0	0

KẾ HOẠCH THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025
 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025
A	B	1
	TỔNG SỐ	519.000
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	519.000
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>	<i>519.000</i>
+	Trường MN Thuận Lợi	43.000
+	Trường MN Thuận Phú	110.000
+	Trường TH Thuận Phú	0
+	Trường TH và THCS Thuận Lợi	124.000
+	Trường THCS Thuận Phú	242.000
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>	<i>0</i>
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
3	Sự nghiệp y tế	0
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin	0
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	0
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	0
7	Sự nghiệp khác	0

**BIỂU SỐ 11**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025
của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2)	131.170
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	1.518
	- Thu ngân sách địa phương hưởng 100%	482
	- Thu ngân sách địa phương hưởng từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1.036
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	129.652
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách	121.126
	- Thu bổ sung có mục tiêu	8.526
	- Bổ sung 6,916 tỷ đồng so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm: 6,041 tỷ đồng kinh phí nghỉ hưu, thôi việc đã chi (theo QĐ số 1501/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước) và 0,875 tỷ đồng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (theo QĐ số 1509/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)	6.916
	- Bổ sung 1,610 tỷ đồng kinh phí đường bê tông xi măng (Nghị quyết số 40/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 7,035 tỷ đồng; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND của HĐND tỉnh giao 8,645 tỷ đồng)	1.610
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (1+2+3+4+5)	131.170
1	Chi đầu tư phát triển	7.035
2	Chi thường xuyên	77.938
3	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	35.171
4	Chi dự phòng	2.500
5	Chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên	8.526